**BÀI 30: SỬ DỤNG HỢP LÍ TỰ NHIÊN ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

**DẠNG I**

**Câu 1.** Đồng bằng sông Cửu Long gồm bao nhiêu tỉnh, thành phố?

 A. 11. B. 12. C. 13. D. 14.

**Câu 2.** Tình nào sau đây không thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

 A. Vĩnh Long. B. Đồng Nai. C. Cà Mau. D. Trà Vinh.

**Câu 3.** Tỉnh nào sau đây ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long vừa có đường biên giới vừa có đường bờ biển?

 A. Bến Tre. B. An Giang. C. Sóc Trăng. D. Kiên Giang.

**Câu 4.** Những nhóm đất chính ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là:

 A. đất phù sa ngọt, đất phèn, đất mặn. B. đất phù sa ngọt, đất xám, đất mặn

 C. đất phèn, đất mặn, đất ba-dan. D. đất mặn, đất bạc màu, đất phèn.

**Câu 5.** Nhóm đất có diện tích lớn nhất ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

 A. đất phù sa ngọt. B. đất xám. C. đất mặn. D. đất phèn.

**Câu 6.** Đất phù sa ngọt của vùng Đồng bằng sông Cửu Long phân bố chủ yếu ở

 A. dọc sông Tiền và sông Hậu.

 B. rải rác khắp trong vùng,

 C. Đồng Tháp Mười, Hà Tiên và vùng trũng Cà Mau.

 D. các tỉnh ven Biển Đông và vịnh Thái Lan.

**Câu 7.** Đất mặn của vùng Đồng bằng sông Cửu Long phân bố chủ yếu ở

 A. dọc sông Tiền, sông Hậu. B. vành đai ven biển.

 C. rải rác khắp các tỉnh trong vùng. D. Đồng Tháp Mười, Hà Tiên.

**Câu 8.** Đất phèn ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long phân bố chủ yếu ở

 A. các tỉnh ven biển. B. dọc sông Tiền và sông Hậu.

 C. rải rác khắp các tỉnh trong vùng. D. Đồng Tháp Mười và vùng trũng Cà Mau.

**Câu 9.** Khí hậu của vùng Đồng bằng sông Cửu Long mang tính chất

 A. cận nhiệt đới ẩm gió mùa. B. cận xích đạo.

 C. nhiệt đới ẩm gió mùa. D. xích đạo gió mùa.

**Câu 10.** Sông ngòi, kênh rạch chằng chịt ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long không thuận lợi cho việc phát triển

 A. sản xuất nông nghiệp.

 B. ngành khai thác và nuôi trồng thuỷ sản.

 C. giao thông vận tải đường bộ.

 D. hoạt động du lịch.

**Câu 11.** Khoáng sản chủ yếu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

 A. than bùn và đá vôi. B. than nâu và đá vôi.

 C. than bùn và khí tự nhiên. D. sét xi măng và dầu mỏ.

**Câu 12.** Hạn chế đối với sự phát triển công nghiệp ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

 A. ngập lụt vào mùa lũ, thiếu nước vào mùa khô.

 B. tình trạng xâm nhập mặn kéo dài quanh năm.

 C. thiếu nguyên liệu cho công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm.

 D. thiếu nguyên liệu cho công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản.

**Câu 13.** Nhận định nào sau đây không phải là khó khăn về điều kiện tự nhiên của vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

 A. Tài nguyên sinh vật đang bị suy giảm.

 B. Chịu ảnh hưởng lớn của bão.

 C. Thiếu tài nguyên khoáng sản để phát triển công nghiệp.

 D. Diện tích đất cho sản xuất nông nghiệp bị nhiễm phèn, nhiễm mặn lớn.

**Câu 14.** Loại cây trồng nào chiếm ưu thế ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

 A. Cây lấy gỗ. B. Cây ăn quả cận nhiệt.

 C. Cây công nghiệp lâu năm. D. Cây lương thực, thực phẩm.

**Câu 15.** Hai trung tâm công nghiệp lớn nhất ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

 A. Cà Mau và Cần Thơ. B. Cà Mau và Vũng Tàu.

 C. Cần Thơ và Vũng Tàu. D. Cần Thơ và Tân An.

**Câu 16**. Hạn chế chủ yếu trong sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là

**A**. phần lớn diện tích là đất phèn, đất mặn, có một mùa khô sâu sắc.

**B**. địa hình thấp, lũ kéo dài, có các vùng đất rộng lớn bị ngập sâu.

**C**. một số loại đất thiếu dinh dưỡng hoặc quá chặt, khó thoát nước.

**D**. sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, bề mặt đồng bằng bị cắt xẻ lớn.

**Câu 17**. Giải pháp chủ yếu trong nông nghiệp để ứng phó với biến đổi khí hậu ở đồng bằng sông Cửu Long là

**A**. phát triển trang trại, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.

**B**. phát triển công tác thủy lợi, chú trọng cải tạo đất.

**C**. chuyển đổi cơ cấu sản xuất, bố trí mùa vụ hợp lý.

**D**. tích cực thâm canh, chủ động sống chung với lũ.

**Câu 18**. Diện tích đất phù sa ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long có xu hướng thu hẹp do

**A**. thời gian mùa khô hạn ngày càng kéo dài.

**B**. chế độ nước của sông Mê Công thay đổi.

**C**. đẩy mạnh đắp đê nên phù sa ít được bồi tụ.

**D**. mở rộng việc nuôi trồng thủy sản nước lợ.

**DẠNG II:**

**Câu 1:** Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm sản xuất lương thực, thực phẩm lớn nhất cả nước, có vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

a) Vùng dẫn đầu cả nước về diện tích, chiếm hơn 50% sản lượng và sản lượng xuất khẩu lương thực.

b) Vùng có mật độ dân đông số nhất cả nước nên nhu cầu về lương thực, thực phẩm rất lớn.

c) Áp dụng công nghệ sinh học, công nghệ môi trường để phát triển các mô hình kinh tế trên từng địa bàn, tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu.

d) Đồng bằng sông Cửu Long là vùng ít chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, khí hậu ôn hòa mát mẻ.

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CÂU** | **a** | **b** | **c** | **d** |
| **ĐÁP ÁN** | **Đ** | **S** | **Đ** | **S** |

**Câu 2: Cho bảng số liệu:**

Diện tích và sản lượng lúa ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, giai đoạn 2010-2021

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2020** | **2021** |
| Diện tích (nghìn ha) | 3945,9 | 4301,5 | 3936,7 | 3898,6 |
| Sản lượng (triệu tấn) | 21,6 | 25,6 | 23,8 | 24,3 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)*

a) Diện tích trồng lúa của Đồng bằng sông Cửu Long tăng liên tục.

b) Sản lượng năm 2021 so với năm 2010 tăng 2,7 triệu tấn.

c) Tốc độ tăng của diện tích trồng lúa nhanh hơn sản lượng lúa.

d) Biểu đồ kết hợp là thích hợp nhất để thể hiện diện tích và sản lượng lúa ở cùng Đồng bằng sông Cửu Long, giai đoạn 2010-2021.

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CÂU** | **a** | **b** | **c** | **d** |
| **ĐÁP ÁN** | **S** | **Đ** | **S** | **Đ** |

**Câu 29:** Cho bảng số liệu:

Sản lượng gỗ khai thác một số vùng của nước ta giai đoạn 2018 – 2021 *(Đơn vị: Nghìn m3)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2018** | **2019** | **2020** | **2021** |
| Trung du và miền núi Bắc Bộ | 4087,8 | 4315,1 | 4419,3 | 4847,9 |
| Tây Nguyên | 685,7 | 699,3 | 712,0 | 753,7 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 800,5 | 801,8 | 805,9 | 797,3 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

**A.** Sản lượng gỗ khai thác ở Đồng bằng sông Cửu Long tăng liên tục.

**B.** Sản lượng gỗ khai thác ở Đồng bằng sông Cửu Long luôn lớn nhất.

**C.** Tốc độ tăng trưởng **s**ản lượng gỗ khai thác ở Đồng bằng sông Cửu Long thấp nhất.

**D.** Sản lượng gỗ khai thác ở Đồng bằng sông Cửu Long lớn hơn Tây Nguyên

**Đáp án:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Sai | B. Sai | C. Đúng | D. Đúng |

**Câu 4.** Cho bảng số liệu:

**TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐẤT CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ ĐỒNG BẰNG**

**SÔNG CỬU LONG NĂM 2022**

*(Đơn vị: nghìn ha)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các loại đất** | **ĐBSH** | **ĐBSCL** |
| Tổng diện tích đất | 2106,0 | 4057,6 |
| Đất nông nghiệp | 869,3 | 2607,1 |
| Đất lâm nghiệp | 519,8 | 302,1 |
| Đất chuyên dùng | 318,4 | 262,7 |
| Đất ở | 141,0 | 124,3 |
| Đất chưa sử dụng | 357,5 | 761,4 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)*

a) Diện tích đất nông nghiệp của ĐBSCL lớn gấp 3,5 lần ĐBSH.

b) Diện tích đất chuyên dùng của ĐBSH lớn gấp 1,21 lần ĐBSCL.

c) Diện tích đất lâm nghiệp của ĐBSH lớn gấp 1,72 lần ĐBSCL.

d) Diện tích đất chưa sử dụng của ĐBSCL lớn gấp 2,12 lần ĐBSH.

**ĐÁP ÁN:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **a) – Sai.** | **b) – Đúng.** | **c) – Đúng.** | **d) – Đúng.** |

**DẠNG III**

**Câu 1:**

Năm 2021, đồng bằng sông Cửu Long có diện tích trồng lúa là 3898,6 nghìn ha, sản lượng lúa là 24,3 triệu tấn. Hỏi năng suất lúa của đồng bằng là bao nhiêu? (làm tròn đến số thập phân thứ nhất của tạ/ha)

**Đáp án: 62,3**

**Câu 2:** Cho bảng số liệu sau:

**SẢN LƯỢNG THỦY SẢN KHAI THÁC VÀ SỐ LƯỢNG TÀU, THUYỀN KHAI THÁC THỦY SẢN NĂM 2022**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Cả nước | Đông Nam Bộ | Đồng bằng sông Cửu Long |
| Sản lượng thủy sản khai thác (nghìn tấn) | 3874,2 | 359,0 | 1416,4 |
| Số lượng tàu, thuyền khai thác thủy sản (chiếc) | 93122 | 5374 | 21318 |

*(Nguồn:Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê,2023)*

Dựa vào bảng số liệu trên, cho biết số lượng tàu, thuyền của Đồng bằng sông Cửu Long năm 2022 gấp bao nhiêu lần Đông Nam Bộ. (Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của đơn vị số lần)

**Đáp án: 4,0**

**Câu 3**: Diện tích, sản lượng cây lúa của Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2010-2021.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2010 | 2015 | 2021 |
| Diện tích cây lúa *(triệu ha)* | 3,94 | 4,3 | 3,98 |
| Sản lượng cây lúa *(triệu tấn)* | 21,6 | 25,6 | 24,3 |

 (*Nguồn : Tổng cục thống kê 20111, 2016, 2022)*

Cho biết từ năm 2010 - 2021, năng suất cây lúa của Đồng bằng sông Cửu Long tăng thêm bao nhiêu? (Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của tạ/ha).

**Đáp án: 6,3**

**Câu 4:** Năm 201 dân số của ĐBSCL là 17,4 triệu người, tỉ lệ dân thành thị là 26,4%. Tính số dân nông thôn của ĐBSCL năm 2021. Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của triệu người).

**Đáp án: 12,8**

**Câu 5:** Năm 201 dân số của ĐBSCL là 17,4 triệu người, tỉ lệ dân thành thị là 26,4%. Tính tỉ lệ dân nông thôn của ĐBSCL năm 2021. Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %).

**Đáp án: 73,6**

**Câu 6:** Năm 2021, đồng bằng sông Cửu Long có diện tích trồng lúa là 3,9 triệu ha, năng suất lúa đạt 62,3 tạ/ha. Hỏi sản lượng lúa của đồng bằng là bao nhiêu? (làm tròn đến số thập phân thứ nhất của triệu tấn)

**Đáp án: 24,3**